TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ H** **TỈNH Q**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 167/2019/QĐST-HNGĐ	*H, ngày 27 tháng 5 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN NHÂN THÀNH PHỐ H – TỈNH Q

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 184/2019/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:* anh Nguyễn Bỉnh L, sinh năm 1986

Trú tại: Tổ 1, khu 6B, phường C, thành phố C, tỉnh Q

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:* chị Nguyễn Thị Minh N, sinh năm 1985

Trú tại: Tổ 1, khu 5, phường H, thành phố H, tỉnh Q;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: anh Nguyễn Bỉnh L và chị Nguyễn Thị Minh N tự nguyện kết hôn với nhau vào ngày 25/6/2013 có đăng ký kết hôn hợp pháp tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố H, tỉnh Q. Đây là hôn nhân đúng quy định pháp luật. Sau khi kết hôn vợ chồng sống được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng khác biệt quan điểm sống, không yêu thương nhau, không quan tâm chăm sóc nhau. Vợ chồng sống ly thân trong thời gian dài. Mục đích hôn nhân không đạt được nên anh L và chị N thống nhất thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Anh L và chị N có 02 con chung là Nguyễn Khánh N, sinh ngày 07/12/2013 và Nguyễn Minh K, sinh năm 07/01/2019. Khi ly hôn chị N nuôi dưỡng cả 02 con chung đến khi thành niên (đủ 18 tuổi). Anh L cấp dưỡng nuôi con chung 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng)/tháng/con chung kể từ khi quyết định này có hiệu lực pháp luật đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi), anh L có quyền qua lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Vay nợ chung không có.

[3] Về tài sản chung: Anh L và chị N có tài sản chung, nhưng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí: Anh L và chị N thống nhất anh L nộp toàn bộ lệ phí theo quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Bỉnh L và chị Nguyễn Thị Minh N thống nhất thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao cả hai con chung Nguyễn Khánh N, sinh ngày 07/12/2013 và Nguyễn Minh K, sinh năm 07/01/2019 cho chị Nguyễn Thị Minh N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi các con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Anh Nguyễn Bỉnh L cấp dưỡng nuôi con chung 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng)/tháng/con chung kể từ khi quyết định này có hiệu lực pháp luật đến khi các con chung thành niên (đủ 18 tuổi) và có quyền qua lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Anh Nguyễn Bỉnh L và chị Nguyễn Thị Minh N có tài sản chung nhưng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vay nợ chung không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Nguyễn Bỉnh L tự nguyện chịu 300.000 đồng lệ phí ly hôn được trừ vào số tiền anh L đã nộp tạm ứng lệ phí theo biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí số 0001014 ngày 15/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Q. Anh Nguyễn Bỉnh L đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Chi cục THA dân sự tp H;
- Tòa án nhân dân tỉnh Q;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Phạm Gia Ninh